TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2990/2024/DS-ST
Ngày: 10/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2207/2023/TLST-DS ngày 18/12/2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4122/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959

Địa chỉ: A T, Phường T, thành phố T, Tp .. *Có mặt.*

Bị đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1966

Địa chỉ: 6 Đường F, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn xác định:

Vào ngày 30/5/2017, ông Đ cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất vay 3%/ tháng, thời hạn vay từ ngày 30/5/2017 đến 30/12/2020, trả lãi hàng tháng, vốn trả một lần khi hết hạn vay. Việc cho vay cho lập bằng giấy tay ghi số tiền vay 50.000.000 đồng và cùng ngày ông T có đề nghị vay thêm 50.000.000 đồng được ông T ghi bổ sung vào giấy vay cùng ngày, như vậy ông T đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Ngoài ra ông T không có vay của ông khoản nào khác. Giấy vay

tiền có ghi nhận nội dung tài sản đảm bảo là căn nhà địa chỉ: 6 Đường F, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên thỏa thuận này không có được thực hiện trong thực tế bởi ông T không có giao giấy tờ gì cho ông Đ.

Thực hiện thỏa thuận, ông T có trả lãi 05 tháng với số tiền 15.000.000 đồng (từ ngày 30/5/2017 đến 30/10/2017) thì không trả nữa. Ông Đ đã trực tiếp gặp nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T không trả. Nay ông yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét:

Buộc ông Trần Hữu T trả cho ông Đ vốn gốc số tiền vay 100.000.000 đồng. Lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 01/8/2017 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Đối với phần tiền lãi ông T đã trả 05 tháng với lãi suất 3%/tháng vượt quy định ông đồng ý trừ vào tiền gốc. Đối với tiền lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, ông tự nguyện yêu cầu bị đơn phải chịu theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

-Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Tp . theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,.

Xét ông Đoàn Văn Đ xác định việc vay mượn và làm ăn chỉ liên quan đến cá nhân và đề nghị không đưa vợ tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đồng thời căn cứ bản tự khai của bà Nguyễn Thị Hồng P (vợ ông Đ) xác định không liên quan đến giao dịch của ông Đ và ông T nên Tòa án không đưa bà Phước tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

2.1 Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét về hình thức: Việc thỏa thuận của ông Đoàn Văn Đ và ông Trần Hữu T được lập theo Giấy vay tiền (*kiêm Giấy nhận tiền vay*) lập ngày 30/5/2017.

- Theo nội dung giấy vay tiền: ông Đ cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất vay 3%/ tháng, thời hạn vay từ ngày 30/5/2017 đến 30/12/2020, trả lãi hàng tháng, vốn trả 1 lần khi hết hạn vay. Việc cho vay cho lập bằng giấy tay ghi số tiền vay 50.000.000 đồng và cùng ngày ông T có đề nghị vay thêm 50.000.000 đồng được ông T ghi bổ sung vào giấy vay cùng ngày.

Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn có ký vay và đã nhận số tiền 100.000.000 đồng của nguyên đơn, đến nay chưa trả nên yêu cầu này của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tiền lãi: Hội đồng xét xử nhận thấy, tại giấy vay tiền hai bên có ghi lãi suất 3%/tháng tương đương 36%/năm là vượt quá lãi suất cho vay dân sự theo quy định của pháp luật. Lãi suất theo thỏa thuận = 100.000.000 đồng x 3%/tháng x 05 tháng (*từ ngày 30/5/20219 đến ngày 30/10/2019*) = 15.000.000 đồng.

Phần lãi suất được công nhận theo quy định pháp luật không quá 20%/năm: 100.000.000 đồng x 05 tháng x 20%/năm = 8.350.000 đồng. Nên phần lãi suất vượt quá quy định là: 15.000.000 đồng – 8.350.000 đồng = 6.650.000 đồng, phần vượt quá này nguyên đơn đồng ý trừ vào tiền gốc, nên gốc còn lại là: 100.000.000 đồng – 6.650.000 đồng = 93.350.000 đồng

Tại tòa, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính mức lãi suất: 20%/năm tính từ ngày vay 01/11/2019 cho đến ngày xét xử, làm tròn 84 tháng và không yêu cầu tính lãi quá hạn là có lợi cho bị đơn, nên tiền lãi được tính:

Tiền lãi = 93.350.000 đồng x 1.66%/tháng x 84 tháng = 130.690.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi bị đơn phải trả = 93.350.000 đồng + 130.690.000 đồng = 224.040.000 đồng.

Đối với tiền lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn chỉ phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được ghi nhận.

Đối với Giấy vay tiền có ghi nhận nội dung tài sản đảm bảo là căn nhà địa chỉ: 6 Đường F, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo ông Đ thỏa thuận này không có được thực hiện trong thực tế bởi ông T không có giao giấy tờ gì, bản thân ông T cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 200; Điều 201; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 157; 357; 429; 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với ông Trần Hữu T;

Buộc ông Trần Hữu T trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 224.040.000 đồng, bao gồm tiền nợ vốn: 93.350.000 đồng, tiền lãi: 130.690.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm 6.534.500 đồng buộc ông Trần Hữu T chịu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

Đinh Khắc Hưng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA